

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Z  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/10/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Bồi

Bà Nguyễn Thị Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử số 159/TB-HS ngày 30 ngày 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị Nguyên T**, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: Khu B Hải Quân, Dã Tượng, phường VN, Z, tỉnh Khánh Hòa. Hiện tạm trú: 58/74/154 Lương Đình Cửa, phường Ngọc Hiệp, Z, tỉnh Khánh Hòa. (Bà Thái có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1985; Nơi ĐKNKTT: Khu B Hải Quân, Dã Tượng, phường VN, Z, tỉnh Khánh Hòa. Hiện tạm trú: 58/74/154 Lương Đình Cửa, phường NH, Z, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện; bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Hoàng Thị Nguyên T trình bày:* Bà và ông Lê Văn T tự nguyện kết hôn năm 2012, theo giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 17/9/2012 tại UBND phường VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Sau thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong tính cách, lối sống mặc dù đã được hai bên gia đình, bạn bè hòa giải, giúp đỡ tìm cách giải quyết nhưng mâu thuẫn, vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vì không có tiếng nói chung nên không khí gia đình luôn căng thẳng, nặng nề, vợ chồng không chia sẻ với nhau mọi niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà và ông Lê Văn T. Về con chung: Bà và ông Lê Văn T có 02 con chung là các cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 30/3/2014 và Lê Hoàng B, sinh ngày 27/10/2016. Bà T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ

chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà T tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm thay cho ông Lê Văn T.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Z đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Lê Văn T được biết; Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Lê Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

\* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Z thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung, bà T có nguyện vọng nuôi con chung, hiện tại các con cũng do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên giao các con chung cho bà T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Lê Văn Thành vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn, bà Hoàng Thị Nguyên T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hoàng Thị Nguyên T và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 137 ngày 17/9/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà Hoàng Thị Nguyên T thì giữa bà và ông Lê Văn T trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm trong tính cách, lối sống, vợ chồng không còn quan tâm, thấu hiểu, chia sẻ cho nhau. Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T không thể hàn gắn được, bởi lẽ mặc dù cả hai cùng chung sống một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã nhiều lần hòa giải giữa hai bên nhưng ông T vẫn cố tình không đến Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, xét

thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là chính đáng có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Bà Hoàng Thị Nguyên T và ông Lê Văn T có 02 con chung là Lê Ngọc A, sinh ngày 30/3/2014 và Lê Hoàng B, sinh ngày 27/10/2016. Theo biên bản xác minh tại địa phương thì hiện nay cháu A và cháu B được bà T trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ, đưa đón đi học thường xuyên; Đồng thời cháu A có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, yêu cầu của bà T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp với ý chí, nguyện vọng của các con và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà Thái.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Hoàng Thị Nguyên T không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Bà Hoàng Thị Nguyên T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 và các điều 227, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Hoàng Thị Nguyên T được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. *Về con chung*: Giao con chung Lê Ngọc A, sinh ngày 30/3/2014 và Lê Hoàng B, sinh ngày 27/10/2016 cho bà Hoàng Thị Nguyên T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Ông Lê Văn T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà T và ông T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Bà Hoàng Thị Nguyên T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000489 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà Hoàng Thị Nguyên T và ông Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Z;
- Chi cục thi hành án TP. Z;
- UBND phường VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa (CNKH số 137 ngày 17/9/2012);
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hạng**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Chi cục thi hành án TP.Nha Trang;
- UBND phường Ngọc Hiệp, Nha Trang (CNKH số 73, ngày 04/7/2012);
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Ly**